

SCIENCE AND TECHNOLOGY IN 2021-2030 NATIONAL TARGET PROGRAM ON SUSTAINABLE POVERTY REDUCTION

Phan Thi Thanh Thao¹

Tran Ngoc Ngan²

¹Thanh Do University

Email: ptthao@thanhdo.edu.vn

²Political Academy, Ministry of Defense

Email: nganhvct683@gmail.com

Received: 15/9/2022

Reviewed: 17/9/2022

Revised: 20/9/2022

Accepted: 25/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v1i1.1>

Abstract:

Sustainable poverty reduction is one of our Party's and State's the major undertakings and policies in order to reduce the rate of poor households nationwide; limit the re-poor rate; contribute to the realization of economic growth goals and social security; improve living standards; increase people's income; and create favorable conditions for the poor and poor households to easily access basic social services. This is also one of the three major national target programs of our country in the 2021-2030 period.

Many scientific and technological research projects of various contents, forms, scales and scopes have been conducted to implement this program. The article examines the current situation and evaluates the achievements of science and technology in the national target program for sustainable poverty reduction from 2011 to 2020. On that basis, some solutions are proposed to help improve the science and technology programs' implementation quality, scientific and technological topics and projects for the effective implementation of the National Target Program on Sustainable Poverty Reduction for the period of 2021-2030.

Keywords: Science and technology; National target program; Sustainable poverty reduction; The period 2021 – 2030.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn biến rất nhanh và có tác động sâu sắc, toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều đó đã làm cho khoa học và công nghệ (KH&CN) phát triển mạnh mẽ và ngày càng có vai trò quan trọng, trở thành nguồn lực to lớn, thúc đẩy phát triển kinh tế, giải quyết hài hoà phát triển xã hội. Trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, KH&CN có những đóng góp quan trọng, hiệu quả. Các hoạt động nghiên cứu KH&CN trong mục tiêu quốc gia Chương trình giảm nghèo bền vững hoặc hỗ trợ thực hiện Chương trình hiện nay có sự đa dạng về

loại hình, cấp độ cả quy mô kinh phí và địa bàn thực hiện. Vì vậy, rất cần có chiến lược, chính sách và giải pháp phù hợp để khai thác, tận dụng có hiệu quả thành tựu của KH&CN, góp phần thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

2. Tổng quan nghiên cứu

Giảm nghèo và giảm nghèo bền vững là vấn đề được các nhà khoa học, nhà quản lý quan tâm nghiên cứu, trong đó có một số công trình tiêu biểu như: *Hoàn thiện các chính sách xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam đến năm 2015* (Nguyễn Thị Hoa, 2010); *Giải pháp giảm nghèo bền vững ở Việt Nam* (Bùi Sỹ Lợi,

2011); *Tiếp tục thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội vùng đặc biệt khó khăn* (Nguyễn Văn Hôi, 2011); *Về thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020* (Trần Ngọc Hiên, 2011); *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển KT-XH ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam* (Nguyễn Thị Nhung, 2012) ... Các công trình nghiên cứu trên đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về giảm nghèo và giảm nghèo bền vững, trong đó đã phân tích sâu các vấn đề về xóa đói giảm nghèo, mối quan hệ giữa xóa đói giảm nghèo với phát triển KT-XH... Từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả giảm nghèo trong giai đoạn tới.

Đặc biệt, có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), xóa đói giảm nghèo, như: Công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Đình Hậu, Ngô Xuân Bình, Lê Viết Lâm, Lưu Quang Minh (2021), "*Khoa học và công nghệ trong Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*". Công trình phân tích kết quả đạt được của khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, đồng thời tập trung bàn luận về kế hoạch và giải pháp triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Bên cạnh đó có các bài viết của các tác giả Khánh Vy (2020), *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*; My Lan Sơn, Đức Tuấn, Trần Tuấn (2021), *Khoa học và công nghệ để thúc đẩy phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi phía Bắc*; Trần Quốc Toàn (2020), *Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo - một đột phá chiến lược trong giai đoạn mới...*

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến một số vấn đề liên quan đến phát triển KH&CN, nghiên cứu KH&CN phục vụ quá trình thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển KT-XH, một số bài viết đề cập đến việc ứng dụng KH&CN trong công tác xóa đói, giảm nghèo. Tuy nhiên vẫn chưa có công trình khoa học nào đề cập, phân tích, đánh giá việc tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN phục

vụ cho quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020, đồng thời bàn luận những giải pháp mang tính đột phá, cơ bản nhằm thực hiện có hiệu quả các hoạt động KH&CN phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp chuyên gia, phương pháp tổng hợp, phân tích nhằm góp phần làm rõ hơn tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phục vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020, định hướng các giải pháp thực hiện các hoạt động KH&CN phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

4.1.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2011-2020

Quán triệt và thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với phát triển KH&CN, nhiều chương trình, đề tài, dự án đã được tổ chức thực hiện ở cấp Trung ương và địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 18 chương trình, đề án cấp quốc gia về KH&CN giao Bộ KH&CN quản lý; 18 Chương trình/Đề án/Nhiệm vụ KH&CN quan trọng khác giao cho các Bộ, ngành quản lý. Bộ KH&CN đã phê duyệt 09 Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia, trong đó, có 06 chương trình liên quan trực tiếp đến vùng DTTS&MN với tổng số 775 nhiệm vụ KH&CN (Nguyễn Đình Hậu, Ngô Xuân Bình, Lê Viết Lâm, Lưu Quang Minh, 2021).

Có 04 Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm đã được thực hiện, bao gồm:

(1) Chương trình Công tác dân tộc (CTDT/16-20) với 51 đề tài (Nguyễn Đình Hậu, Ngô Xuân Bình, Lê Viết Lâm, Lưu Quang Minh, 2021), đã nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học phục vụ cho xây dựng chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, miền núi, đồng thời tập trung đưa ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan

đến đời sống của đồng bào các DTTS, nhất là vấn đề đói nghèo, mức sống chênh lệch ngày càng lớn giữa vùng đồng bào DTTS&MN so với đồng bằng, thành thị...

(2) Chương trình vùng Tây Bắc đã cung cấp cơ sở dữ liệu liên ngành, luận cứ khoa học phục vụ xây dựng, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Các mô hình về sinh kế cho người dân, mô hình nuôi trồng, chế biến dược liệu, cây nông nghiệp, cây công nghiệp, thủy sản, thức ăn chăn nuôi đã được chuyển giao cho các địa phương trong vùng để ứng dụng trong thực tiễn.

(3) Chương trình vùng Tây Nguyên đã giúp xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững Tây Nguyên. Các vấn đề liên quan đến an ninh phi truyền thống ở Tây Nguyên cũng được nghiên cứu sâu nhằm cung cấp luận cứ, dữ liệu về văn hóa và biến đổi văn hóa, tôn giáo, dân tộc, dân cư. Chương trình Tây Nguyên 3 đã cung cấp nguồn cơ sở dữ liệu đa dạng, đồng bộ phục vụ quy hoạch phát triển KT-XH khu vực Tây Nguyên và các tỉnh Tây Nguyên. Kết quả ứng dụng chuyển giao công nghệ thích hợp nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế cho Tây Nguyên đã thành công vượt chỉ tiêu của khung Chương trình. Các nhiệm vụ nghiên cứu tiếp cận quản trị tài nguyên đất nông nghiệp, quản trị tài nguyên nước mặt, nước dưới đất; giải pháp trữ nước giúp giải quyết tình trạng hạn hán do biến đổi khí hậu, hướng tới các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước và an ninh môi trường.

(4) Chương trình vùng Tây Nam Bộ đã được ứng dụng để xây dựng mô hình liên kết vùng Tây Nam Bộ trên cơ sở quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp gắn liền với sinh kế hộ nông thôn tại vùng Đồng Tháp Mười; xây dựng các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ. Nghiên cứu tổng thể hiệu ứng các công trình phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Xây dựng một số mô hình liên kết sản xuất, hình thành các chuỗi giá trị hướng

vào khai thác các lợi thế của vùng Tây Nam Bộ. Ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn như: sản xuất lúa gạo, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cung cấp giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, phục vụ chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp.

Cùng với đó là các *Chương trình Nông thôn miền núi, Nông thôn mới* và các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia khác. Các chương trình này đã tổ chức thực hiện 724 nhiệm vụ nghiên cứu về khoa học xã hội, KH&CN trực tiếp phục vụ phát triển KT-XH (Nguyễn Đình Hậu, Ngô Xuân Bình, Lê Viết Lâm, Lưu Quang Minh, 2021). Trong đó, Chương trình Nông thôn miền núi đã chú trọng công tác nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ, đem lại hiệu quả thiết thực. Các dự án ứng dụng tiến độ KH&CN vào trồng trọt, chăn nuôi, ứng dụng công nghệ phục vụ đời sống xã hội... góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi. Chương trình đã chuyển giao 2.300 lượt công nghệ mới, tiên tiến phù hợp với từng vùng miền, thúc đẩy phát triển KT-XH khu vực miền núi, vùng DTTS; xây dựng được hơn 4.300 mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN có hiệu quả, quy mô phù hợp với điều kiện sinh thái cho 34 tỉnh/thành phố; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai dự án, năng lực ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho trên 1.500 cán bộ quản lý KH&CN các cấp, 4.153 cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên cơ sở ở địa phương và khoảng 92.000 lượt nông dân tại các địa phương vùng DTTS&MN (Nguyễn Đình Hậu, Ngô Xuân Bình, Lê Viết Lâm, Lưu Quang Minh, 2021). Chương trình Nông thôn mới đã đem lại nhiều giải pháp, mô hình có hiệu quả trong quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, công nghệ bảo quản, chế biến.... góp phần nâng cao chất lượng, giá trị cây trồng, vật nuôi, xây dựng các mô hình Hợp tác xã phù hợp trong điều kiện cụ thể của các địa phương.

Ngoài ra, trong một số Chương trình KH&CN cấp quốc gia khác, đã có 315 nhiệm vụ được triển khai thực hiện để giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ xóa đói, giảm nghèo, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội các địa

phương vùng DTTS&MN. Nhiều nhiệm vụ KH&CN ở cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở đã được triển khai thực hiện.

4.1.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, từ năm 2021 đến nay

Ủy ban Dân tộc đã phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng và triển khai thực hiện “Chương trình KH&CN phục vụ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030” theo tinh thần Nghị quyết 12/ NQ-CP ngày 15/2/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019; phối hợp với các Bộ, ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ lồng ghép giữa các Chương trình KH&CN nhằm đảm bảo hiệu quả tác động đồng bộ từ các nguồn lực đối với việc phát triển KT-XH của các địa phương có đồng bào DTTS.

Các Bộ, ngành tiếp tục đẩy mạnh triển khai các Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi giai đoạn 2016-2025, trong đó ưu tiên triển khai tại các vùng có tỷ lệ đói nghèo cao và tỷ lệ đồng bào DTTS cao. Đồng thời, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ KH&CN mang tính toàn diện, thống nhất, có tính đột phá trong việc ứng dụng, chuyển giao KH&CN, có tính liên vùng, liên kết theo chuỗi từ nghiên cứu đến sản xuất, liên kết Khoa học - Quản lý - Doanh nghiệp - Nhà sản xuất - Nông dân để phát huy các lợi thế của từng địa phương nhằm thúc đẩy nhanh phát triển KT-XH vùng DTTS&MN, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về phạm vi và đối tượng nêu tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội.

4.2. Kết quả trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, thời gian qua

Đề phục vụ và hỗ trợ thực hiện chương trình này, đã có nhiều công trình KH&CN được thực hiện. Kết quả nghiên cứu của các chương trình KH&CN đã cung cấp cơ sở khoa học, luận cứ khoa học phục vụ xây dựng, hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc; chính sách, giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Các kết quả nghiên cứu trong

các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, công nghiệp, giao thông, xây dựng, y tế, giáo dục, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp không chỉ đóng góp vào sự phát triển KT-XH của đất nước mà đã trực tiếp đóng góp có hiệu quả và làm thay đổi diện mạo đời sống, KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN. Nhiều công trình đã hỗ trợ tích cực công tác xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả. Các đề tài, dự án nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo chuỗi sản phẩm, hình thành các mối liên kết trong chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng nông sản, xây dựng các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của địa phương, xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các đặc sản của địa phương, đã giúp nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. Các chương trình, nhiệm vụ đã được triển khai đúng hướng và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự phát triển của khu vực. Cơ cấu sản xuất tiếp tục được điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế của mỗi địa phương, vùng, miền và cả nước, gắn với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế, trực tiếp làm thay đổi diện mạo đời sống, phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS&MN. Đồng thời, huy động được nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, từ đó, nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN, làm cho hoạt động nghiên cứu gắn bó với thực tiễn của địa phương, người dân được hưởng những thành quả do KH&CN mang lại.

Nhờ đó mà sau hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam đã trở thành một trong những điểm sáng của thế giới về xóa đói, giảm nghèo. Giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo nước ta đã giảm từ 9,88% năm 2015 xuống còn dưới 3%, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên về đích sớm trong thực hiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về giảm nghèo; 100% số xã có đường ô-tô đến trung tâm, 80% số thôn có điện, trên 50% số xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, 100% đồng bào DTTS và người nghèo có bảo hiểm y tế miễn phí (Chính phủ, 2021). Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cùng với Chương trình xây dựng nông thôn mới đã

góp phần tạo nên một diện mạo mới ở vùng nông thôn nói chung, các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao nói riêng.

Tuy nhiên, việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cũng bộc lộ nhiều hạn chế, tồn tại, ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. KH&CN vẫn chưa thực sự là động lực cải thiện năng suất và năng lực cạnh tranh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều công trình chưa được áp dụng vào thực tiễn để thúc đẩy nhanh giảm nghèo trong dân cư. Chưa có sự liên kết liên thông trong nghiên cứu khoa học giữa các Bộ, ngành, địa phương. Trình độ đội ngũ nghiên cứu khoa học còn hạn chế....

Mặc dù là điểm sáng của thế giới về giảm nghèo nhưng công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở nước ta vẫn còn nhiều thách thức, “Giảm nghèo chưa bền vững, chưa có giải pháp để xử lý hữu hiệu vấn đề phân hoá giàu - nghèo, gia tăng bất bình đẳng về thu nhập, kiểm soát và xử lý các mâu thuẫn, xung đột xã hội. Chất lượng dịch vụ y tế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có mặt còn bất cập” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Tỷ lệ hộ nghèo giảm không đồng đều trong các vùng của cả nước. Tình trạng nghèo sâu, nghèo kinh niên tập trung vào đối tượng là đồng bào DTTS ở khu vực đặc biệt khó khăn, chủ yếu ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, trong đó “lỗi nghèo” tập trung nhiều ở khu vực các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, nhất là khu vực miền núi Tây Bắc. Đây là nhóm dân cư có tốc độ giảm nghèo chậm, luôn đứng trước nguy cơ tái nghèo. Tỷ lệ tái nghèo trong vòng 5 năm 2016-2020 bình quân 3,74%/năm so với tổng số hộ thoát nghèo (giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ tái nghèo là 12%). Tỷ lệ hộ nghèo phát sinh hàng năm đã giảm nhưng vẫn còn tương đối lớn, trung bình giai đoạn 2016-2020 bằng 20,88% so với tổng số hộ thoát nghèo (Chính phủ, 2021). Khoảng cách giàu nghèo có xu hướng gia tăng; xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương còn tập trung nhiều vào các tiêu chí phát triển hạ tầng, chưa thực sự quan tâm đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đổi mới tổ chức sản xuất tạo điều kiện ổn định thu nhập, sinh kế cho người dân theo hướng phát triển bền vững. Kết quả xây dựng nông thôn mới không đồng đều. Hệ thống chính sách về giảm nghèo

vẫn phức tạp, nhiều tầng nấc, khó khăn cho việc áp dụng của cán bộ cơ sở và việc tiếp cận của người dân. Việc rà soát, tích hợp, sửa đổi, ban hành chính sách về giảm nghèo chưa đáp ứng yêu cầu, gây ảnh hưởng đến quá trình triển khai thời gian đầu của chương trình.

5. Bàn luận

Hiện nay, khoa học, công nghệ song hành với nhau và trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. KH&CN đã và đang thực sự trở thành đòn bẩy, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đảng ta chủ trương đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng của KH&CN và đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII không chỉ nhấn mạnh phát triển và ứng dụng KH&CN, mà còn đề cao yêu cầu đổi mới sáng tạo như một định hướng trung tâm của phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tăng tốc. Ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 569/QĐ - TTg về Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, với mục tiêu là đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần quyết định đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao... Định hướng chiến lược là chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng trưởng kinh tế sẽ phải dựa chủ yếu vào năng suất các nhân tố tổng hợp, KH&CN và nguồn nhân lực chất lượng cao. Để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN, trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, theo chúng tôi, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phát triển KH&CN, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trong cuộc cách mạng 4.0. Để tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trong bối cảnh mới, Ban Bí thư đã ban

hành Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 24/2021/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Trên cơ sở đó, Bộ Lao động Thương binh và xã hội đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác giảm nghèo đa chiều, bền vững đến năm 2030.

Để hiện thực hóa mục tiêu, nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, cần thực hiện đồng bộ nhiều chính sách, giải pháp, trong đó đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ KH&CN giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án tác động gián tiếp đến phát triển xã hội thông qua thúc đẩy nâng cao năng suất lao động của nền kinh tế, tạo ra nguyên liệu mới, sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao hơn, thay thế việc nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa từ nước ngoài với chi phí thấp hơn. KH&CN giúp đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu KT-XH, gia tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Ứng dụng thành tựu KH&CN vào quy trình sản xuất, tạo ra các vật liệu mới, giảm chi phí sản xuất, cải tiến sản phẩm, đổi mới mẫu mã của sản phẩm, từ đó giúp tăng sức cạnh tranh của hàng hóa, gia tăng được lợi nhuận và quy mô của doanh nghiệp được mở rộng, thu nhập của người lao động cũng gia tăng góp phần bảo đảm an sinh xã hội của cá nhân và gia đình người lao động cũng như của toàn xã hội, ảnh hưởng đến quá trình tăng trưởng kinh tế-xã hội bởi vì KH&CN quyết định sự thay đổi của năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dịch vụ. Bên cạnh các đóng góp trực tiếp của KH&CN đối với năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế, khoa học xã hội đã góp phần nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng và hoàn thiện đường lối, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các quốc gia và vùng lãnh thổ. Vì vậy, cần đa dạng hóa các hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho các tổ

chức, các lực lượng tham gia công tác giảm nghèo nắm chắc tầm quan trọng của KH&CN đối với giảm nghèo bền vững; nâng cao nhận thức về quan điểm, chính sách giảm nghèo của Đảng, Nhà nước và của địa phương, chính sách phát triển KH&CN, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thứ hai, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý phát triển KH&CN phục vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Cần “Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.225). Lấy “Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế”, lấy việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN làm động lực thúc đẩy thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Chú trọng đến cơ chế, chính sách vượt trội, đột phá cho KH&CN, ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Đổi mới cơ chế, tạo điều kiện cho nhà khoa học, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và phát triển công nghệ, thúc đẩy hợp tác công-tư trong triển khai dự án công nghệ quy mô lớn. Hoàn thiện chính sách đãi ngộ, trọng dụng trí thức.

Đề cao tính minh bạch, khách quan trong quản lý các đề tài và nhiệm vụ KH&CN. Rà soát và sửa đổi các quy định về xét duyệt, quản lý và đánh giá các nhiệm vụ KH&CN theo hướng công khai, minh bạch, khách quan cùng với đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Cần đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, cải cách hành chính, thay đổi phương pháp quản lý theo hướng giảm thiểu thủ tục hành chính.

Chú trọng quản lý, tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến thủ tục; quan tâm phát triển thị trường KH&CN, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy, chuyển giao, làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý nhiệm vụ KH&CN. Đặc biệt, cần hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật về KH&CN trực tiếp liên quan đến công tác giảm nghèo nhằm góp phần tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác này, ứng dụng rộng rãi thành tựu KH&CN vào cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của hộ nghèo, địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS.

Thứ ba, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ hơn cho lĩnh vực KH&CN, nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hoạt động KH&CN trên tất cả các lĩnh vực, góp phần phát triển toàn diện, bền vững kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu, tăng tính thực tiễn, gắn với việc ứng dụng kết quả nghiên cứu; tạo thuận lợi, hỗ trợ cho đơn vị nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường.

Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất của doanh nghiệp, xem đó là trung tâm đổi mới sáng tạo trong thực hiện Chương trình giảm nghèo. Từng bước tăng chi cho KH&CN và đổi mới sáng tạo trong tổng chi ngân sách; gia tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị sản xuất công nghiệp; nâng cao chỉ tiêu về năng suất lao động. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường KH&CN.

Thứ tư, tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN. Phát triển nguồn nhân lực luôn là yếu tố được coi trọng hàng đầu nhằm phát huy nguồn chất xám thực hiện các chương trình, đề tài KH&CN phục vụ thực hiện Chương trình

giảm nghèo. Vì vậy, cần ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo, KH&CN và đổi mới sáng tạo trong tất cả các lĩnh vực. Đẩy mạnh đặt hàng nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện Chương trình giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống của người dân, nhất là hộ nghèo và cận nghèo. Chú trọng cơ chế, môi trường hoạt động KH&CN cho trí thức thể hiện và phát huy, tạo điều kiện về thủ tục hành chính để các nhà khoa học chủ động trong nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh; tạo cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao về cống hiến cho hoạt động KH&CN. Chủ động hội nhập hợp tác quốc tế, tranh thủ trao đổi, tiếp nhận những thành tựu của thế giới, tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững.

6. Kết luận

Giảm nghèo bền vững là một trong những chủ trương, nhiệm vụ lớn của Đảng, Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp, giá trị nhân văn cao cả, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Với sự vào cuộc của các cấp, các ngành, công tác giảm nghèo đạt được những thành công quan trọng, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Có được thành tựu to lớn đó là có sự đóng góp quan trọng của KH&CN. Trong thời gian tới, việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trong chương trình giảm nghèo bền vững có nhiều thuận lợi, song cũng có không ít khó khăn, đòi hỏi sự quyết tâm rất cao, sự chỉ đạo rất sâu sát quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc hiệu quả của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở và sự nỗ lực vươn lên không ngừng của nhân dân nói chung, các hộ nghèo, cận nghèo nói riêng. Do đó, cần xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp đột phá, sáng tạo nhằm đưa chính sách giảm nghèo bền vững của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ. (2021). *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình quốc gia giảm*

nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025.

Nguyễn Đình Hậu, Ngô Xuân Bình, Lê Viết Lâm, Lưu Quang Minh. (2021). Khoa học và công nghệ trong Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, Volume 10, issue 2.

Nguyễn Thị Hoa. (2010). *Hoàn thiện các chính sách xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam đến năm 2015*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Trần Ngọc Hiền. (2011). Về thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

giai đoạn 2011-2020. *Tạp chí Cộng sản*, số 05, 76-81.

Nguyễn Thị Nhung. (2012). *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển KT-XH ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Bùi Sỹ Lợi. (2011). Giải pháp giảm nghèo bền vững ở Việt Nam. *Tạp chí Lao động và xã hội*, số 402, 37-39.

Nguyễn Văn Hồi. (2011). Tiếp tục thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội vùng đặc biệt khó khăn. *Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề cơ sở*, số 49, 25-27.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2030

Phan Thị Thanh Thảo¹

Trần Ngọc Ngân²

¹Trường Đại học Thành Đô

Email: ptthao@thanhdouni.edu.vn

²Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

Email: nganhvct683@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/9/2022

Ngày phản biện: 17/9/2022

Ngày tác giả sửa: 20/9/2022

Ngày duyệt đăng: 25/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v1i1.1>

Tóm tắt: Giảm nghèo bền vững là một trong những chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước ta nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước, hạn chế tái nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản. Đây cũng là 1 trong 3 chương trình mục tiêu quốc gia lớn của nước ta ở giai đoạn 2021-2030.

Để thực hiện chương trình này, đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ được triển khai với nội dung, hình thức, quy mô và phạm vi thực hiện khác nhau. Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng, đánh giá kết quả đạt được của khoa học và công nghệ trong chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2011-2020. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2030.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Chương trình mục tiêu quốc gia; Giảm nghèo bền vững; Giai đoạn 2021-2030.